

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đồi và ông Nguyễn Kim Thành.

Thư ký phiên tòa: Ông Lã Phú Huy - Thư ký TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thu Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 96/2023/TLST- HNGĐ ngày 02/6/2023, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 12/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2023/QĐST-DS ngày 07/8/2023 ; giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 49 Nguyễn Trung T, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

- *Bị đơn:* Ông **Trương Văn T**, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 112 Hoa L, Khu Vững T, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trương Văn T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S. Hôn nhân tự

nguyện. Sau khi kết hôn, ông, bà chung sống tại 112 Hoa L, Khu Vũng T, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống thì đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T rượu chè, dùng chất kích thích, hay cãi vã và xô xát nhau trong thời gian dài. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình giải quyết nhưng không có kết quả. Nay bà xác định tình cảm của bà đối với chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với chồng là ông Trương Văn T.

- Về con chung: Bà C xác định giữa bà và ông T có 03 con chung: Trương Anh T1, sinh ngày 01/7/2009; Trương Thị Kiều T2, sinh ngày 06/10/2011 và Trương Thị Kiều T3, sinh ngày 04/02/2019. Ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà C xác định giữa bà và ông T không có.

** Bị đơn ông Trương Văn T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của ông T trong hồ sơ vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.*

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn – bà C: Chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn – ông T: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai là chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 BLTTDS, xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Xét thấy quan hệ hôn nhân của bà C và ông T đã thật sự trầm trọng nên cần áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" của bà Nguyễn Thị C đối với ông Trương Văn T.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn ông Trương Văn T.

+ Về con chung: Giao 03 con chung tên Trương Anh T1, sinh ngày 01/7/2009; Trương Thị Kiều T2, sinh ngày 06/10/2011 và Trương Thị Kiều T3, sinh ngày 04/02/2019 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông T không cấp dưỡng nuôi con do bà C không yêu cầu.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa bà Nguyễn Thị C và ông Trương Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Trương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Trương Văn T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S. Hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà C là do ông T hay rượu chè và sử dụng chất kích thích và không có trách

nhệm với gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nay bà C xác định tình cảm của bà đối với ông T không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với chồng là ông Trương Văn T.

Tại phiên tòa, bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T. HĐXX xét thấy: Ngoài những mâu thuẫn vợ chồng như bà C trình bày, qua xác minh tại địa phương ngày 12/7/2023, thể hiện vợ chồng bà C hiện nay không sống cùng nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà C là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận. Còn ông T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến, ông không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình nên cần vận dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xử lý là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung Trương Anh T1, sinh ngày 01/07/2009; Trương Thị Kiều T2, sinh ngày 06/10/2011; Trương Thị Kiều T3, sinh ngày 04/02/2019 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy, tại bản tự khai của các con thể hiện có nguyện vọng được ở với mẹ sau ly hôn, mặc khác các con từ trước đến nay đều do một mình bà C chăm sóc. Vì vậy, việc giao con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con chung của bà C.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C xác định giữa bà và ông T không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Bà C phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ - ST theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" của bà Nguyễn Thị C đối với ông Trương Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn ông Trương Văn T.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của của Nguyễn Thị C đối với ông Trương Văn T nên giấy chứng nhận kết hôn số 73; quyển số 01/2009 do UBND phường A, quận S cấp ngày 05/8/2009 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao 03 con chung tên Trương Anh T1, sinh ngày 01/7/2009; Trương Thị Kiều T2, sinh ngày 06/10/2011 và Trương Thị Kiều T3, sinh ngày 04/02/2019 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông T không cấp dưỡng nuôi con do bà C không yêu cầu.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà C xác định giữa bà và ông T không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Án phí HNGĐ-ST 300.000 đồng bà Nguyễn Thị C phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0003800 ngày 02/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận (*hoặc niêm yết*) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đường sự;
- Viện KSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Đông Thanh

